

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
Câu hỏi cho người nộp đơn

ODP IV.:

Date :
Ngày

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you can not read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng đầy đủ càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh ngữ được thì điền bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to :

Gửi Bảng câu hỏi này về :

Langabhum Building
127 Sathorn Tai Road
Bangkok 10120

THAILAND

A. BASIC IDENTIFICATION DATA / Lý lịch căn bản.

1. Name : HUYNH THỊ GẮM / Sex : Female.
Họ tên Phái
2. Other name : ANY
Họ tên khác
3. Date/Place of Birth : 1948 Ngọc Chúc, Kiên Giang
Ngày/Nơi sinh
4. Residence Address : Cái Đước Lớn, Ngọc Chúc Commune, Giồng Riềng
Địa chỉ thường trú District, Kien Giang Province, VIET NAM.
5. Mailing Address : Same as above.
Địa chỉ thư từ
6. Current Occupation : Farmer.
Nghề nghiệp hiện tại

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME / Bà con cùng đi với tôi.

(NOTE : Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows : married (M), divorced (D), widowed (W), or single (S).)

(CHÚ Ý : Chỉ có vợ/chồng và con chưa lập gia đình mới có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia đình như sau : đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S).)

NAME	DATE/PLACE OF BIRTH	SEX	M.S.	RELATIONSHIP
1. TÙNG VAN XÔNG	30.10.1971 Ngọc Chúc Kiên Giang	M	S	Son

(NOTE : For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), ID cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ Ý : Cho mỗi người có tên trong danh sách trên, chúng tôi cần một bản sao khai sinh, giấy thú (nếu đã lập gia đình), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai tử của vợ/chồng (nếu là góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có) và hình. Nếu bà con cùng đi với bạn mà không cùng chung ngụ hiện tại, xin ghi rõ địa chỉ của họ trong Phần I bên dưới.)

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã được huấn luyện ở nước ngoài.

1. Name of Student/Trainee :
Họ tên sinh viên/người thụ huấn

2. School and School Address :
Tên trường và địa chỉ trường

3. Dates : From : To :
Ngày tháng năm Từ tới

4. Description of Courses :
Mô tả ngành học

5. Who paid for training ?
Ai đài thọ chương trình huấn luyện ?

(NOTE : Please attach copies of diplomas or orders, if available.
Available ? NO.)

(CHÚ Ý : Xin Bạn kèm theo Văn bằng, hoặc chỉ thị, nếu có. Bạn có không ? KHÔNG.)

H. RE-EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã học tập cải tạo.

1. Name of Person in Re-Education :
Họ tên người học tập cải tạo

2. Time in Re-Education : From : To :
Thời gian cải tạo Từ tới

3. Still in Re-Education ? NO
Còn học tập không ? KHÔNG

(If released, we must have a copy of your release certificate.)
(Nếu được thả, chúng tôi cần giấy ra trại của bạn.)

I. ANY ADDITIONAL REMARKS / Cuộc chú phụ thuộc.

1. I have been widowed since very young, but I always keep unmarried until now.
2. We have together only one son, now minor.
3. Most of my husband's paper were damaged, because I had hidden them a long time.
4. I would ask for help, so that I could live better.

Signature : Date :
Ký tên Ngày

GAM

J. ALL MY REMAINING DOCUMENTS ENCLOSED/ Tất cả hồ sơ còn lại đính kèm :

1. Photocopy of my son birth certificate.
2. Photocopy of our marriage certificate.
3. Photocopy of my husband's death certificate.
4. Photocopy of Decree NO. 08599
5. Photocopy of Decree No. 35804/QP/ĐPQ.
6. Photocopy of my ID card
7. Photos of tôi of us.

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM / Họ hàng ở ngoại quốc.

	OF MYSELF của tôi	OF MY SPOUSE của vợ/chồng
1. Closest Relative In the U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ	:	:
a. Name Họ tên	:	:
b. Relationship Liên hệ gia đình	:	:
c. Address Địa chỉ	:	:
d. Date of Relative's Arrival in the U.S. : Ngày bà con đến Hoa Kỳ	:	:
2. Closest Relative in Other Foreign Countries : Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác	:	:
1. Name Họ tên	:	:
2. Relationship Liên hệ gia đình	:	:
3. Address Địa chỉ	:	:

D. COMPLETE FAMILY LISTING (Living/Dead) / Danh sách toàn thể gia đình (sống/chết)

1. Father : HUYNH VAN KIEN (dead)
Cha
2. Mother : NGUYEN THI UT (dead)
Mẹ
3. Spouse : TONG VAN BUNG, born in 1939 at Nhu Lam,
Vợ/chồng Xuyên Mộc, Phước Tuy.
Killed by VC on 10.04.72
4. Other Spouse (if any) : Any
Vợ/chồng trước (nếu có)
5. Children : (1) TONG VAN XUNG, born on 30.10.1971
Con cái Ngọc Chúc, Kiên Giang. Farmer,
living the same address.
6. Siblings : (1) Huynh Van Nhỏ, brother, farmer
Anh chị em at Vinh Thuận Lợi, Giồng Riềng,
Kiên Giang.
(2) Huynh Van Ngỗi, brother, farmer at
Thanh Hưng, Giồng Riềng, Kiên Giang
(3) Huynh Van Thại, brother, farmer at
Vinh Thuận Lợi, Giồng Riềng,
Kiên Giang.

**E. EMPLOYMENT BY U.S. GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER U.S. ORGANIZATION
OF YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công
sở Hoa Kỳ hay Hãng Mỹ.**

1. Name of Employee :
Họ tên nhân viên :
Position Title :
Chức vụ :
Agency/Company/Office :
Sở / Hãng / Văn phòng :
Length of Employment : From : To :
Thời gian làm việc : từ : tới :
Name of American Supervisor:
Tên họ giám thị Mỹ :
Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc :
2. Employee Name :
Họ tên nhân viên :
... :
Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc :
3. Employee Name :
Họ tên nhân viên :
... :
Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc :

**F. SERVICE WITH GVN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng
đã có cộng tác với Chính phủ Việt Nam.**

1. Name of Person serving : **TỔNG VAN BỤNG**
Họ tên người tham gia
2. Dates : From : To : 10.04.1972
Ngày tháng năm Từ : tới
3. Last Rank : Sergeant I Mil. Serial No. : 39/108070
Cấp bậc cuối cùng Số quân
4. Ministry/Office/Mil. Unit :
Bộ/Sở/Đơn vị binh chủng
5. ~~Reason~~ Name of Supervisor/C.O. :
Họ tên giám thị/sĩ quan chỉ huy
6. Reason for Separation : Killed by VC
Lý do nghỉ việc
7. Names of American Advisor (s) :
Tên họ cố vấn Mỹ
8. U.S. Training Course in Việt Nam :
Chương trình huấn luyện của Hoa kỳ
tại Việt Nam.
9. U.S. Awards or Certificates
Name of Award : Date received :
Phan thưởng/Giấy khen Ngày nhận

(NOTE : Please attach any copies of diplomas, awards or certificates if available. Available ? NO.)

(CHÚ Ý : Xin bạn kèm theo bất cứ Văn bằng, giấy ban khen, hoặc chứng thư, nếu có. Bạn có không ? KHÔNG.)

KHOA-THÀNH

KHOA-THÀNH

KHOA-THÀNH

TRÍCH - LỤC

CHỨNG-THƯ HÔN-THO

Số hiện 262

Tên, họ người chồng ĐOÀN - VĂN - ĐUÔI

nghề nghiệp quản-lưu

sinh ngày 11 tháng 11 năm 1930

tại Hà-Lâm, Tuyên-Quang, (Phước-Tuy)

cư-sở tại 11

tạm-trú tại Đoàn-Văn-Đuôi, 4667

Tên, họ cha chồng Đoàn-Văn-Đuôi (chết)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ chồng Đoàn-Văn-Đuôi (chết)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ người vợ Đoàn-Văn-Đuôi

nghề-nghiệp Đoàn-Văn-Đuôi

sinh ngày 11 tháng 11 năm 1945

tại Hà-Lâm, Tuyên-Quang, (Phước-Tuy)

cư-sở tại 11

tạm-trú tại Đoàn-Văn-Đuôi

Tên, họ cha vợ Đoàn-Văn-Đuôi (sống)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ vợ Đoàn-Văn-Đuôi (sống)

(Sống chết phải ghi rõ)

— Ngày cưới Ngày hai mươi, tháng mười hai, năm 1970

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-kế 11

ngày 11 tháng 11 năm 11

tại 11

TRÍCH Y BỘ CHÁNH:

ngày 07 tháng 07 năm 19 72

Viên Chức Hộ Tích,

Khư

Mg-Lưu X tháng X năm 1972
XA-TRƯỜNG

KHAI - SANH

Ấu-nhi : (Tên họ)	Tòng-văn-Xúng
Phái :	Nam
Sanh ngày, tháng, năm	Ba, mười, tháng mười, Năm một ngàn chín trăm bảy mươi một.
Tại :	Xã Ngọc-Chúc (Kiên-Giang)
Cha : (Tên họ)	Tòng-văn-Bưng
Tuổi :	Ba mươi hai
Nghề-nghiệp :	Quân-Nhân
Cư-trú tại :	Đại-Đội 4/823/ĐPQ
Mẹ : (Tên họ)	Huỳnh-thị-Gấm
Tuổi :	Hai mươi ba
Nghề-nghiệp :	Làm-ruộng
Cư-trú tại :	Xã Ngọc-Chúc
Vợ (chánh hay thứ) :	Chánh
Người khai :	Tòng-văn-Bưng
Tuổi	Ba mươi hai
Nghề-nghiệp :	Quân-Nhân
Cư-trú tại :	Đại-Đội 4/823/ĐPQ
Ngày khai :	Ngày 04 tháng 11 năm 1971
Người chứng thứ nhất : (Tên họ)	Huỳnh-văn-Thoại
Tuổi :	Hai mươi bảy
Nghề-nghiệp :	Quân-Nhân
Cư-trú tại :	Đại-Đội 620/ĐPQ
Người chứng thứ hai : (Tên họ)	Nguyễn-văn-Thế
Tuổi :	Hai mươi ba
Nghề-nghiệp :	Quân-Nhân
Cư-trú tại :	Nghĩa-Quân, Ngọc-Chúc

KIẾN-THỊ :

Ngọc-Chúc, ngày 24-7-1972. Người khai,

XÃ-TRƯỞNG

Làm tại

Ngọc - Chúc

ngày

04

tháng

11

năm

1971

Hộ lại,

Nhân chứng,

Tòng-văn-Bưng
(ký tên)(ký tên)
Dương-văn-Hải1/-Huỳnh-văn-Thoại
(ký tên)
2/-Nguyễn-văn-Thế
(ký tên)

TRÍCH X BỘ CHÁNH

Ngọc-Chúc, ngày 24 tháng 7 năm 1972.

Ủy-Viên Hộ-Tịch

Người chết :	Trương Văn-Dương
(Tên, họ)	
Nghề-nghiệp :	Quản lý nhân
Cư-trú tại :	Đoàn Đồi, xã/đồng
Sinh ngày :	Tháng 1935
Tại :	Hà Nội, Nguyễn Văn (Hàng) (Hàng)
Chưa có chồng, vợ hay là góa chồng, vợ :	(vợ) Nguyễn Thị-Dương
(Kê tên họ nếu có)	
Người chồng hay vợ làm nghề gì :	không làm
Cha :	Trương Văn-Dương
(Tên, họ)	
Mẹ :	Trương Thị-Dương
(Tên, họ)	
Chết ngày :	10 tháng 4 năm 1972
Chết tại :	Bệnh Viện Nhân Dân Hòa Bình
Ngày khai :	10 tháng 4 năm 1972
Người khai :	Trương Văn-Dương
(Tên, họ)	
Người khai mấy tuổi :	1935
Nghề-nghiệp :	Quản lý nhân
Cư-trú tại :	Hà Nội-7330
Người chứng thứ nhất :	Trương Văn-Dương
(Tên, họ)	
Mấy tuổi :	1935
Nghề-nghiệp :	Quản lý nhân
Cư-trú tại :	Hà Nội-7330
Có phải là bà con hoặc ở gần người chết phải nói rõ :	o gần
Người chứng thứ nhì :	Nguyễn Văn-Dương
(Tên, họ)	
Mấy tuổi :	1935
Nghề-nghiệp :	Quản lý nhân
Cư-trú tại :	Hà Nội-4607
Có phải là bà con hoặc ở gần phải nói rõ :	o gần

(1) Là chưa đề
lược biên án tòa sai
khai - tử lợi

Chúng tôi phải chỉ rõ tên của
Kính thưa...
Hành...
Hành...
Hành...



Làm tại Vinh Thanh Văn, ngày 10 tháng 4 năm 1972
Người khai, Hệ-lại, Nhân-chứng.

Chúng tôi đã được...
Chúng tôi đã được...
Chúng tôi đã được...

Hà Nội Vinh Thanh Văn, ngày 10 tháng 4 năm 1972
Chức vụ: Nhân chứng

**BỘ CỰU CHIẾN - BINH
NHA HƯU - BỔNG
VÀ CẤP-DƯỠNG**

— Chiếu luật số 08/70 ngày 09 tháng 7 năm 1970 và các văn kiện quy định chế độ cấp
dưỡng các phổ binh và gia đình tử sĩ;

— Chiếu hồ sơ xin cấp dưỡng số _____ ngày _____

35864-1-1-1

NGHI-DINH.

1948

WEST RIVER KINH GIANG

da (2).

TONG VAN BUNG

của

- sổ quân

10.472

D



NG
NG

Được hưởng
đến

29-10-89

Được hưởng một khoản cấp dưỡng hàng Tam cá nguyệt là :

CẤP DƯỠNG THEO CẤP BẠC		Số thân nhân	NGÂN KHOẢN CẤP DƯỠNG	
Từ	đến		(bằng số)	(bằng chữ)
20.4.72	đến	1	14.3438	muoi bon ngan ba tran bon muoi ba long
Từ	đến			
Từ	đến			
Từ	đến			
Từ	đến			

Điều 2.— Đồng Lý Văn Phòng, Tổng Thư Ký, Giám Đốc Nha Hưu Bổng và Cấp Dưỡng chịu nhiệm-vụ thi hành Nghị định này.

KỶ LẠNH TIỀN LÂN ĐẦU NHẤT

đến

Đỗ Thiên

khẩn trương hay cộng thêm

còn được lãnh

Sau đó, ngày

MÀO-INT-HUYỀN

ngày 21/5/70
TỔNG TRƯỞNG CHIẾN LINH

Trần Văn Hiến

Dinh Sơn Miêm

NĂM	1 tháng 1	1 tháng 4	1 tháng 7	1 tháng 10
19				
19				
19				
19				
19				
19				
19				
19				
19				
19				

CHỮ THÍCH DÀNH RIÊNG CHO SỞ CẤP DƯỠNG

- (1) Quả Phụ, Tổ Phụ, Giám Hộ Cô Nhi, Giám Hộ Quốc gia Nghĩa Tử hoặc chính Phế binh,
 (2) Tử trận, tử nạn, tử bệnh, mất tích hoặc xác nhận tàn phế.

KIỂM SOÁT VIÊN CHUNG KẾT

Họ và tên _____
 Ngày _____
 Ký tên, _____

CHỨNG NHẬN GIAO NGHỊ ĐỊNH MẪU Đ

và SỞ CẤP DƯỠNG QUẢ-PHỤ số 35864 ngày 06-1-1973

Người nhận

Họ và tên HUYỀN-THỊ-GÁM
 Căn cước số 07171515
 Cấp ngày 18-12-70 tại Kiên-Giang

Ký tên hoặc diềm chỉ,

gồm

Người giao

Họ và tên NGUYỄN-KIM-HƯƠNG-HÒA
 Chức vụ TRƯỞNG-TY NỘI-AN QUẢN-V
Kiên-Giang ngày 19-2-1973

Ấn Ký,

[Signature]

Án thừa nhận Quốc - Gia Nghĩa - Tử
cho Tòng-văn-Xứng

việc hộ trong phiên nhỏ
phòng nghị-sự ngày 09
tháng 8 năm 19
gồm có các Ông

Chánh-Án : Hà-Xuân-Theo

Biện - Lý : Đặng-Dĩnh-Mậu

Lục - Sự : Phù-Sĩ-Bền

đã lên bản án như sau :

BẢN ÁN

TÒA ÁN

Chiếu theo đơn của Huỳnh-thị-Gấm
xin án thừa nhận Quốc-Gia Nghĩa-Tử cho con

BỞI CÁC LỄ ẤY

Phán rằng kể từ nay 1) Tòng-văn-Xứng, nam, sanh ngày
30.10.1971 tại Xã Ngọc-Chúc (Kiếngiang) khai sanh
số 64 là con của Tòng-văn-Bung và Huỳnh-thị-Gấm
được thừa nhận là Quốc Gia Nghĩa Tử ./.

Dạy ghi đoạn phán quyết án này vào sổ khai sanh đương niên
.....
và lược biên án này vào lễ tờ khai sanh nói trên giữ lưu-trữ công-văn
nơi kê trên và Phòng Lục-Sự Tòa-Án sở tại

Đề Ngân-Khố chịu kết án phí

Án này làm, xử và tuyên tại Phòng Nghị-sự vào ngày, tháng và năm
kê trên

Ghi nhận con niêm và Trước-bạ Miễn-Phí.

Ký tên

Hà-Xuân-Theo
Phù-Sĩ-Bền

Rach-316 ngày 02 tháng 10 năm 1972

TRÍCH Y BẢN CHÁNH



Miễn phí

VIET-NAM CONG-PCA

TONG-TRUONG CUU-CHIEN-BINH

BO CUU-CHIEN-BINH

-CHIEU LUAT 08/70 NGÀY 09-07-1970 VA CAC VAN-KIEN
QUY-DINH CAP-DUONG PHU-BINH VA GIA-VINH 31-31
-CHIEU HC-SC CAP-DUONG SC 08/30/70

SO 08597/NT/PC

NGHI-DINH

DIEU 1.

ON. (BA) HUYNH THI THANH
NGAY SANH 1948
JA-CHI NGOC CHUC, KIEN BINH
KIEN GIANG

CAN-DUOC 07111515
LA GIANG HO (CNT)
CUA TONG VA BUNG
CAP-BAC TRUNG SI 1. BAC (1)

SO-QUAN 39105070
DA TU TRAM

UJOC HUONG CAP-DUONG THEO CAP-BAC TRUNG SI 1. BAC
PHU-KHOAN CHUYEN-KEN SO 0 HANG TAN-CA-NGUYET LA

TU DEN TN GIA-BIEU
10/04/72 01 00001.2005 CO VINH-VIEN

1. THANH-NHAN DUOC HUCNG CAP-DUONG
TU DEN TN 30/10/71
DUOC HUONG DEN 29/10/89

KY LANH TIEN LAN THU NHAT

TU DEN SC TIEN
10/04/72 10/06/72 *****

DIEU 2.

DONG-LY VAN-PHONG, TONG-THU-KY, GIAM-DOC KHA HUU-DONG VA CAP-DUONG CHIEU
NHIEU-VU THI-HANH KEEI-DINH NAY.
SAIGON.
T.U.N. TONG-TRUONG CUU-CHIEN-BINH

From : HUYNH THI GAM
Cai Duoc Lon,
Ngoc Chuc Commune
Giong Rieng District
Kien Giang Province
VIET NAM

R A
#7 9 5



MAY BAY
PAR-AVIDON

DEC 20 1989

TO : MRS KHUC MINH THO
PO. BOX 5435 ARLINGTON
VA. 22205-0635
U. S. A.

50g =

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THẺ CĂN-CƯỚC

Số 07171515

Họ Tên HUỖNH-THỊ-GIAM



Ngày, nơi sinh 1948

N.ôc-Chức (Kien-Giang)

Chia Huỳnh-Vân-Kiên

Mẹ Nguyễn-Thị-Út

Địa chỉ Đức-Phương, K-L (K-Giang)

Dấu vết riêng:

Sẹo tròn cách 2 khớp ngoài
mắt trái.

Chữ ký đương sự:

Kien Giang ngày 18-12-1970

Trưởng-Ty Cảnh-Sát Quốc-Gia

ĐỖ-HỮU-DUNG

Cao: 1 th 46

Nặng: 37 Kg

Ngón trỏ mặt

Ngón trỏ trái





HUYỀN
THỊ GẮM
SINH NĂM
1948